

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC - YÊU CẦU TẤT YẾU TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

○ ThS. TRẦN ĐỨC HIẾU*

1. Đào tạo (ĐT) theo học chế tín chỉ (HCTC) ở các trường đại học (ĐH)

Hiện nay, hầu hết các trường ĐH trong cả nước đã và đang áp dụng phương thức ĐT theo HCTC - phương thức ĐT mới đòi hỏi tích cực, chủ động của giảng viên (GV) và sinh viên (SV). Với quá trình học là sự tích lũy kiến thức theo học phần (đơn vị đo là tín chỉ), chương trình ĐT có thể mềm dẻo; có nhiều khả năng lựa chọn và đánh giá (ĐG) kết quả mỗi học phần một cách thường xuyên; đòi hỏi SV phải tích cực, có khả năng tự học, tự nghiên cứu ở mức độ cao; GV chuyển từ truyền đạt phổ biến tri thức sang trợ giúp, cố vấn, tổ chức, điều khiển cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trong suốt cả quá trình tích lũy kiến thức của SV.

Nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) luôn là mối quan tâm hàng đầu của giáo dục ĐH Việt Nam, đặc biệt trong những năm gần đây. *Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), KT, ĐG kết quả học tập, kiểm định và ĐG các cơ sở giáo dục* là một trong 11 giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong của Bộ GD-ĐT - yêu cầu tất yếu trong quá trình chuyển đổi ĐT sang HCTC ở các trường ĐH.

2. Đổi mới KT, ĐG trong ĐT theo HCTC

1) *ĐG là quá trình thu thập thông tin, chứng cứ về đối tượng ĐG và đưa ra những phán xét, nhận định về mức độ đạt được theo tiêu chí đã được đề cập trong các tiêu chuẩn hay kết quả học tập; có thể là ĐG định lượng (dựa vào các con số) hoặc định tính (dựa vào các ý kiến và giá trị).*

Một số nguyên tắc của ĐG trong giáo dục:
- Phải dựa trên cơ sở lý thuyết học tập và đo lường;
- Có thể được sử dụng cho mục đích lựa chọn và nhận biết, khuyến khích học tập để đạt những kỹ năng (KN) ở mức độ cao hơn; - Là một quá trình rõ ràng và có thể kiểm tra, giải thích trực tiếp dưới dạng sự phát triển; - Thích hợp với một phạm vi khuôn mẫu sẵn có; - Công bằng, không định

kiến cho các nhóm liên quan; - Có thể đáp ứng các nhu cầu của các nhà quản lý (QL); - Có khả năng thống kê và tổng hợp; - Có thể điều chỉnh các nguồn lực của lỗi để đạt được độ tin cậy; - Có thể loại trừ hay rút gọn giải thích cho các kết quả; cung cấp các yếu tố có thể chứng minh, so sánh được và xây dựng tính hiệu lực.

2) *KT, ĐG trong ĐT theo HCTC là khâu then chốt ảnh hưởng đến cách học của SV, thúc đẩy động cơ, thái độ tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập của người học; đồng thời hoàn thiện quá trình dạy - học, kiểm định chất lượng, hiệu quả giờ học cũng như trình độ nghề nghiệp của GV.*

a) *ĐG chương trình.* Các chương trình ĐT theo HCTC của trường ĐH được thiết kế theo cách tiếp cận mở, tích hợp liên ngành hướng đến đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí ĐG chất lượng chương trình. Cụ thể: - ĐG tình hình hiện tại (như cầu sử dụng lao động/nhà tuyển dụng; các chương trình ĐT cùng lĩnh vực/ngành/chuyên ngành của các trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế...); - Mục đích, mục tiêu và đối tượng. Yêu cầu về năng lực (NL) và các hoạt động nhận thức của SV cần được coi là nền tảng để xác định nội dung dạy học (DH) và được trình bày rõ ràng trong mục tiêu môn học; - Nội dung (các môn học) và cấu trúc; - Các hoạt động học tập và PPDH; - Chiến lược ĐG; - Nhu cầu ĐT chuyên môn của SV; - Mối tương quan có ý nghĩa giữa các nguyên tắc cơ bản của ngành học và thực tiễn của ngành phải được làm rõ.

b) *ĐG giáo viên.* Ngoài các phẩm chất chính trị đạo đức (quy định trong chuẩn giáo viên/GV) trong các văn bản pháp lý của Bộ GD-ĐT, mỗi GV cần được ĐG tập trung vào ba nhóm năng lực (NL), đó là:

- *NL dạy học:* Nên áp dụng cách tiếp cận phổ biến nhất ở các trường ĐH trên thế giới, với các

* Trường Đại học điện lực

tiêu chí: + Chuẩn bị công việc DH; + Lập kế hoạch phát triển cho SV; + Lập kế hoạch tìm hiểu và hiểu SV (mô hình nhận thức, NL nhận thức, nhu cầu/kì vọng, cách học); + NL đặt câu hỏi/hướng dẫn lớp học; + NL tìm hiểu SV; + NL thể hiện sự quan tâm tới SV; + NL thúc đẩy SV học tập; + NL sử dụng PPDH; + NL thu thập thông tin phản hồi từ SV; + NL tổ chức hình thức DH; + NL tạo môi trường học tập hiệu quả cho SV; + Quan tâm phát triển nhân cách SV; + Biết thu hút và duy trì sự chú ý của SV; + Tạo kinh nghiệm học tập phong phú; + NL nói lưu loát; + ĐG quá trình chứ không ĐG kết quả/thành tích.

- *NL nghiên cứu khoa học, gồm các tiêu chí:*
+ Kiến thức về khoa học giáo dục; + Kiến thức chuyên ngành; + Kiến thức về nghiên cứu khoa học (quy trình nghiên cứu, cách tổng quan, điểm luận tài liệu, cách thiết kế các nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, thu thập thông tin và xử lý các thông tin...); + KN phát hiện các vấn đề (nhận biết, dự báo, xác định vấn đề...); + KN tổ chức nghiên cứu khoa học (tổ chức lực lượng nghiên cứu, phân phối kinh phí, hoạch định thời gian...); + KN viết báo cáo nghiên cứu khoa học (cấu trúc, dàn ý, biểu đạt theo văn phong khoa học, sử dụng số liệu, phân tích và đưa ra những kết luận của vấn đề nghiên cứu...).

- *Năng lực quản lí đào tạo* là khả năng sắp xếp hợp lí, có hệ thống các hoạt động sư phạm, nghiên cứu khoa học của bản thân và hoạt động học tập rèn luyện của SV. Bản chất của QLĐT là tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể xuất phát từ chức năng của GV đã được quy định trong *Điều lệ trường ĐH*. Việc thực hiện ĐT theo HCTC đòi hỏi ở GV những yêu cầu mới trong NL QLĐT, vì thế chắc chắn sẽ có những ĐG tiếp tục về vấn đề này, bao gồm: + NL lập và điều chỉnh kế hoạch ĐT (kế hoạch chi tiết cho năm học, học kì, tuần; công khai kế hoạch cho SV; thu thập thông tin, phân tích tình hình về đối tượng DH; điều chỉnh kế hoạch DH khi cần thiết; lập kế hoạch học tập/bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn...); + NL tổ chức thực hiện chương trình ĐT/ thực hiện nề nếp chuyên môn (tổ chức thiết kế chương trình môn học/học phần; tổ chức tìm hiểu, nắm tình hình về SV; tổ chức QL «chế độ ngày» hợp lí; QL hồ sơ chuyên môn; QL việc lập kế hoạch bài học; tổ chức tìm kiếm, lựa chọn, khai thác, lưu trữ thông tin phục vụ ĐT; QL thời gian trên lớp/QL giờ lên lớp lí thuyết, thực hành...); + NL QL hoạt động học tập của SV (xây dựng, QL hồ sơ SV; QL việc học tập trên

lớp của SV; tổ chức QL hoạt động nghiên cứu khoa học của SV; tổ chức QL hoạt động rèn luyện nghiệp vụ của SV; tổ chức QL SV trong các hoạt động ngoại khóa...); + NL QL cơ sở vật chất phục vụ ĐT (QL đồ dùng, trang thiết bị phục vụ ĐT; QL nguồn lực thông tin phục vụ ĐT; QL trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng/công cụ phục vụ KT, ĐG kết quả ĐT...); + NL QL việc KT, ĐG hoạt động ĐT (xây dựng kế hoạch KT, ĐG của môn học/học phần (hình thức, phương pháp, công cụ/phương tiện); tổ chức, QL kiểm tra, thi học phần; chấm bài, vào điểm cho SV; tổng hợp kết quả kiểm tra...).

c) *ĐG sinh viên cần tập trung vào ĐG kết quả học tập, kết quả rèn luyện, kết quả tham gia nghiên cứu khoa học.* Trong đó, cần kết hợp giữa ĐG quá trình với ĐG kết quả, thái độ theo tỉ trọng hợp lí. ĐG kết quả học tập đối với một môn học của SV được ĐT theo HCTC thường quy định gồm 3 phần: - ĐG thái độ và sự chuyên cần (chiếm 10%): yêu cầu SV đảm bảo 80% giờ lên lớp, không vắng giờ thảo luận, thực hành. Để tránh mất thời gian, giáo vụ/giáo viên điểm danh theo ô (lớp tín chỉ), mỗi ô 10 SV; - ĐG quá trình 1-4 bài kiểm tra/bài tập/bài luận/bài kiểm tra (chiếm 20%-30%); - ĐG qua điểm thi (chiếm 60%-70%). Nếu môn học có phần thực hành, phần thực hành thường chiếm khoảng 10%-20%, điểm thi hết môn chỉ còn 50%.

Trong ĐT theo HCTC, hiện nay các trường ĐH hàng đầu trên thế giới áp dụng các thang điểm ĐG kết quả học tập (gồm thang điểm 10, thang điểm chữ A, B, C, D, F và thang điểm 4). Đây là hệ thống thang điểm rất khoa học, là tiêu chí để ĐG quá trình ĐT theo HCTC có triệt để hay không. Thang điểm ĐG được chia thành điểm không đạt và điểm đạt: *Điểm không đạt*: 0-3,9 thang điểm 10 (tương đương điểm F=0 thang điểm 4). *Điểm đạt*: 4,0-5,4 thang điểm 10 (tương đương điểm D=1 thang điểm 4); 5,5-6,9 thang điểm 10 (điểm C=2 thang điểm 4); 7,0-8,4 thang điểm 10 (điểm B=3 thang điểm 4); 8,5-10 thang điểm 10 (điểm A=4 thang điểm 4).

Có thể khẳng định, thang điểm 4 là thang điểm rất có lợi cho SV. Bởi, SV chỉ cần đạt điểm học phần 8,5 (thang điểm 10), khi quy đổi sang thang điểm 4 sẽ là điểm A=4 (điểm cao nhất của thang điểm 4). SV đạt điểm học phần từ 4,0-4,9 (thang điểm 10) là điểm không đạt đối với ĐT theo niên chế - học phần nhưng trong ĐT theo HCTC, khi quy đổi sang thang điểm 4 là điểm D=1 lại là điểm đạt. SV có thể không cần

học lại học phần này hoặc học lại để cải thiện điểm đều được. Trong DT theo niên chế - học phần, SV muốn có kết quả học tập xếp loại Khá buộc phải đạt điểm trung bình chung của tất cả các học phần tối thiểu là 7,0, trong khi DT theo HCTC thì chỉ cần một nửa số tín chỉ tích lũy có điểm học phần 7,0 và nửa số còn lại có điểm học phần 5,5 là đạt.

Tuy nhiên, ĐG học phần trong DT theo HCTC là ĐG quá trình, với điểm thi hết học phần có thể chỉ chiếm tỉ trọng 50% tỉ trọng điểm học phần. Điều này buộc SV phải học tập, kiểm tra, thực hành, thí nghiệm trong suốt học kì chứ không phải trông chờ vào kết quả của một kì thi đầy may rủi (có SV học rất yếu mà thi có thể đạt). Vì vậy, điểm học phần không đạt phải học lại để ĐG tất cả điểm bộ phận và thi lại, không đơn thuần là tổ chức thi kết thúc học phần thêm lần 2.

Việc chuyển từ thang điểm 10 sang thang điểm chữ (A, B, C, D, F) nhằm phân loại kết quả học tập thành các mức độ ĐG và quy định thế nào là điểm đạt và không đạt. Thang điểm chữ này mang tính chất thang điểm trung gian. Khi chuyển từ thang điểm chữ sang thang điểm 4, cần lưu ý điểm F. Điểm F trong thang điểm 10 có giá trị từ 0 đến 3,9 nhưng với thang điểm 4 thì chỉ có giá trị 0. Nhưng giá trị 0 này vẫn tham gia vào tính điểm trung bình chung học kì. Đây chính là bản chất DT sạch của hệ thống tín chỉ (không chấp nhận bất cứ một kết quả nào dưới 4 của thang điểm 10).

3. Một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng KT, ĐG ở trường ĐH trong DT theo HCTC
- Phòng/Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan trong trường ĐH tổ chức ĐG chương trình DT: thu thập thông tin chuyên môn từ các trường trong và ngoài nước có cùng ngành DT; các chuyên gia, các công ti/doanh nghiệp sử dụng lao động, các cựu SV của trường; sau khi ĐG thực trạng chương trình DT, nhà trường đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng, cập nhật kiến thức chuyên môn đáp ứng với sự phát triển của khoa học, công nghệ cũng như nhu cầu của xã hội.

- Phòng Tổ chức chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, dựa trên tiêu chuẩn GV biên soạn chi tiết các tiêu chuẩn, tiêu chí và cụ thể hoá thành thang ĐG GV, quy trình và hướng dẫn cách ĐG..., khuyến cáo sử dụng kết quả ĐG vào các chính sách lương, phụ cấp... khen thưởng/kỷ luật.

- Điều chỉnh hay xây dựng lại Khung ĐG kết quả rèn luyện đạo đức của SV dựa trên văn bản

hướng dẫn của Bộ GD-ĐT nhưng phải cụ thể hoá và xem xét lại trọng số của các tiêu chí, chỉ báo sao cho phù hợp với SV. SV cần được tham gia xây dựng Khung ĐG này (Phòng Công tác học sinh, SV cùng Đoàn Thanh niên, Hội SV, với sự hỗ trợ kỹ thuật của phòng khảo thí cùng phối hợp xây dựng lại Khung này).

- Xây dựng thang ĐG kết quả nghiên cứu khoa học của SV. Cùng đó, nhà trường cần có chính sách khuyến khích SV tham gia nghiên cứu khoa học, hàng năm tổ chức hội nghị khoa học của SV, khen thưởng, cộng điểm cho SV có giải thưởng.

- Cách thức KT, ĐG kết quả học tập môn học phải được xác định rõ ngay khi thiết kế mục tiêu, nội dung chương trình chi tiết; đặc biệt phải quy định rõ trong đề cương chi tiết môn học (thống nhất trọng số cho các đầu điểm, quá trình, điểm thi...) và thông báo công khai ngay khi bắt đầu môn học để người học chủ động trong suốt quá trình học. Thống nhất các thủ tục chuyển điểm 10/100 sang điểm hệ chữ. Coi trọng ĐG quá trình và phần hồi kết quả ĐG kịp thời cho SV.

- Có kế hoạch DT cán bộ về đảm bảo chất lượng và kiểm tra, ĐG nhằm phục vụ các hoạt động đảm bảo chất lượng lâu dài. Cần có sự phối hợp giữa các phòng, ban và khoa với GV trong triển khai công tác ĐG. □

Tài liệu tham khảo

1. Đại học quốc gia Hà Nội. **Giáo dục đại học - Chất lượng và đánh giá**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội. 2005.
2. I. Forsythe - A. Jolliffe - D. Stevens. **Evaluating a Course: Practical strategies for teachers, lecturers and trainers**, Kogan page. London. 1995.
3. Patrick Giffin. **Assessment & reporting**. Assessment Research Centre. Australia. 2008.
4. Trường Đại học sư phạm Hà Nội. "Đào tạo theo hệ thống tín chỉ". *Kiểm Hội thảo khoa học*. H. 2009.
5. Trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh. "Đào tạo liên thông theo hệ thống tín chỉ". *Kiểm Hội thảo khoa học*. 2007.

SUMMARY

In this article, the author discusses the work of examination and evaluation - an important issue influencing the quality of training in universities, which includes the following issues: evaluation of training program, lecturers, students and proposes some measures for enhancing the quality of examination and evaluation at universities under the current credit-based training mode.